

ẢNH HƯỞNG CỦA PHONG TỤC TẬP QUÁN ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI KHMER ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NCS. TRẦN HOÀNG HIẾU
Học viện Chính trị khu vực IV

TÓM TẮT

Phong tục, tập quán có ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế của các cộng đồng tộc người nói chung và cho phát triển kinh tế - xã hội nói riêng trên cả hai phương diện, cả mặt tích cực cũng như tiêu cực. Đối với cộng đồng người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long có nhiều phong tục, tập quán ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của họ như: Người Khmer rất tôn sùng Phật pháp, theo Phật giáo Tiểu thừa nên xem cuộc sống hiện tại chỉ là tạm bợ; có nhiều lễ hội trong năm nên tốn kém rất nhiều thời gian và tiền của ảnh hưởng đến khả năng tích lũy tái sản xuất mở rộng; tập quán canh tác chủ yếu là nông nghiệp (trồng lúa và nuôi bò), ít tiếp cận khoa học kỹ thuật, thiếu đất và thiếu vốn sản xuất còn phổ biến; cách tiếp cận giáo dục, đào tạo và giao lưu với cộng đồng khác còn mang bản sắc riêng nên ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lực lao động. Cuối cùng, bài viết đề xuất một số giải pháp giúp cải thiện đời sống kinh tế xã hội cho cộng đồng dân tộc Khmer ở ĐBSCL.

Từ khóa: Người Khmer, Đồng bằng sông Cửu Long, phong tục tập quán, phát triển kinh tế

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có dân số trung bình 17.660,7 nghìn người¹, hiện có 4 dân tộc đang chung sống là người Kinh, Khmer, Hoa và Chăm. Sau người Kinh, người Khmer chiếm tỷ lệ cao nhất trong cộng đồng các dân tộc sống tại ĐBSCL, đặc biệt

là ở các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh và Kiên Giang... Trong cộng đồng các dân tộc sinh sống tại ĐBSCL thì đời sống kinh tế của đồng bào dân tộc Khmer khó khăn hơn cả. Tỷ lệ người nghèo trong cộng đồng người Khmer cao hơn rất nhiều so với người Kinh và người Hoa. Những năm gần đây, số hộ Khmer thoát nghèo tương đối ít, trong khi tỷ lệ tái nghèo cao hơn các nhóm dân tộc khác. ĐBSCL có khoảng 1,3 triệu người Khmer, chiếm khoảng 7,36% dân số toàn vùng nhưng trong tổng số hộ nghèo toàn vùng thì có đến hơn một nửa là hộ Khmer. Mặc dù qua nhiều năm đổi mới đã có rất nhiều chính sách, chương trình cụ thể giúp đồng bào Khmer thoát nghèo, nâng cao đời sống kinh tế, thế nhưng tỷ lệ hộ nghèo vẫn cao, khoảng cách giàu nghèo vẫn tăng, và đặc biệt, tỷ lệ tái nghèo ở đồng bào dân tộc Khmer rất cao. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, trong đó có nguyên nhân ảnh hưởng từ phong tục, tập quán đến phát triển kinh tế của đồng bào dân tộc Khmer. Bài viết này tập trung phân tích những phong tục tập quán có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của đồng bào dân tộc Khmer, qua đó đề xuất một số kiến nghị đối với Đảng và Nhà nước trong thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc Khmer, góp phần nâng cao đời sống kinh tế của họ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết tiếp cận khai thác và xử lý các nguồn tài liệu, số liệu và thông tin liên quan đến phong tục, tập quán của cộng đồng người Khmer ở ĐBSCL chủ yếu dựa trên phương pháp phân tích định tính. Trên cơ sở kế thừa

1. <http://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=714>

các kết quả nghiên cứu của các công trình trước đó và những những thông tin, số liệu được tổng hợp của tác giả, bài viết sử dụng chủ yếu các phương pháp như: Phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp thống kê, so sánh. Phương pháp phân tích, tổng hợp để đánh giá những ảnh hưởng của các phong tục, tập quán của cộng đồng người Khmer đến phát triển kinh tế của họ. Phương pháp thống kê và so sánh cũng được sử dụng nhằm phân tích những ảnh hưởng của phong tục, tập quán của cộng đồng người Khmer đến phát triển kinh tế trong mối quan hệ so sánh với các cộng đồng dân tộc khác như dân tộc Kinh hay dân tộc Hoa. Dựa trên các kết quả đánh giá, bài viết đề xuất một số kiến nghị trong việc ban hành và thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc Khmer nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của họ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long

Người Khmer là tộc người có mặt ở ĐBSCL từ rất sớm, đã sinh cơ lập nghiệp trên vùng đất này. Người Khmer ở ĐBSCL tập hợp nhau lại thành những tập thể láng giềng nhỏ, mỗi tập thể định cư trên một địa điểm bám sát đất trồng trọt gọi là “Phum”, đơn vị cao hơn Phum và bao gồm nhiều Phum gọi là “Srok” (Việt hóa là Sóc). “Phum, Sóc” chỉ nơi cư trú của người Khmer. Cộng đồng người Khmer vốn có truyền thống cần cù lao động, thật thà, chất phác, giàu tình thương, sống xen kẽ, đoàn kết, gắn bó lâu đời cùng với đồng bào Kinh và đồng bào Hoa trong nhiều thế kỷ ở ĐBSCL. Mặc dù vậy, những khuôn khổ Phum, Sóc, nơi từng người Khmer đã sinh ra, lớn lên, làm ăn,... vẫn có những gắn kết cộng đồng rất riêng hoạt động trong khung văn hóa tộc người của mình và thấm nhuần tinh thần Phật giáo. Những phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc Khmer một mặt tạo nên nét văn hóa đặc sắc riêng, có tác động mạnh mẽ đến đời sống tinh thần của họ, nhưng mặt khác lại có những ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng Khmer nói riêng và đối với địa phương nói chung.

3.2. Ảnh hưởng của một số phong tục, tập quán đến phát triển kinh tế của cộng đồng người Khmer đồng bằng sông Cửu Long

Một là, cuộc sống của đồng bào dân tộc Khmer gắn liền với những ngôi chùa và Phật giáo Tiểu thừa.

Hầu hết đồng bào dân tộc Khmer theo Phật giáo Tiểu thừa. Đây được coi là “Quốc đạo” của người Khmer với tư cách vừa thỏa mãn nhu cầu tâm linh, vừa là nghĩa vụ, đạo đức làm người. Chính vì vậy, cuộc sống của đồng bào dân tộc Khmer gắn liền với chùa chiền, chùa là trung tâm của Phum, Sóc. Trong 9 tỉnh có đồng bào dân tộc Khmer ở khu vực ĐBSCL có tổng số 743 chùa Khmer với khoảng trên 01 triệu sư sãi tu học theo phong tục (Nguyễn Quốc Dũng và Võ Thị Kim Thu, 2016). Đối với người Khmer, ngôi chùa ngoài chức năng tôn giáo, còn gồm chức năng giáo dục, giao lưu văn hóa, phong tục mà đồng bào dân tộc Khmer đã “ký gửi” cả tâm hồn, của cải và công sức của mình vào đó. Người Khmer quan niệm rằng đem của cải cúng vào chùa, dâng cho các sư sãi một phần thì sẽ làm được gấp mười, nên khi có tiền, họ thường trích một số lớn để cúng chùa và nuôi các vị sư. Đóng góp cho chùa là nghĩa vụ, bổn phận và niềm vui của các phật tử theo quan niệm của Phật giáo và đồng bào hoàn toàn tự nguyện. Người Khmer không sợ nghèo đói, chỉ sợ khi chết không được hỏa thiêu đem tro vào chùa ở cạnh Đức Phật, nên họ không lo cho bản thân mình trong hiện tại, mà chỉ lo có tiền để góp xây chùa cho đồ sộ nguy nga và làm các đám phước, đám lễ để bảo đảm cho kiếp sau được lên Niết Bàn. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tích lũy vốn mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế của họ.

Thực tế cho thấy, đại bộ phận nhà ở của đồng bào Khmer có thể còn lụp xụp, chưa khang trang nhưng những ngôi chùa thì rất bề thế. Cuộc sống của người Khmer hiền lành, bình lặng với triết lý đạo phật coi đời là cõi tạm nên bằng lòng, tin vào số phận. Chính đặc điểm tâm lý này ít nhiều ảnh hưởng đến động lực cạnh tranh vươn lên làm giàu. Do đó cũng ảnh hưởng đến cuộc sống của đồng bào và công tác xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc này. Bên cạnh đó, cuộc sống của đồng

bào gắn liền với chùa, cho nên sự phát triển của 743 chùa Khmer với trên 1 triệu sư sãi ở Đồng bằng sông Cửu Long sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào cuộc sống của các Phật tử. Nếu đến Trà Vinh hay Sóc Trăng vào những ngày rằm hay 30 âm lịch hàng tháng sẽ thấy từng đoàn người xách ga-men đi ngoài đường. Những ai mới tới lần đầu chắc sẽ rất lạ, tưởng như cơ chế cũ còn tồn tại với hình ảnh người lao động vừa đi làm vừa phải mang cơm theo ăn. Thế nhưng, đó là hình ảnh người Khmer mang cơm vào chùa. Điều đó nói lên rằng, ngay trong sự sôi động của nền kinh tế thị trường với những hàng quán tràn ngập, cuộc sống bận rộn với cơm bụi, cơm quán đang rất phổ biến thì đồng bào dân tộc Khmer vẫn bình thản với những nét truyền thống rất riêng của mình.

Với triết lý Phật giáo Tiểu thừa vốn coi đời là cõi tạm, nặng về giải thoát tâm linh; với tâm lý “tiểu nông”: “*Trời sinh voi, sinh cỏ*” cuộc sống phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên là chủ yếu, sống “*nhờ trời*”, “*trời cho gì hưởng nấy*”... đã làm cho tư duy kinh tế của đại đa số đồng bào dân tộc Khmer mang tính thụ động, an phận. Những năm gần đây, Nhà nước thực hiện chủ trương giảm nghèo đã hỗ trợ khá nhiều điều kiện vật chất nên một số người sinh ra tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước và xã hội. “*Có chính quyền và cả Việt kiều nữa cho gạo và tiền, xài chưa hết mà, tháng sau đi làm cũng được*”. Một số lao động ở xã Hòa Thuận, Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã rất lạc quan thoải mái “*ngủ ngơi*” cả tháng sau tết Chol Chnam Thmey. Thế nhưng, tháng sau tết bắt đầu mùa mưa nên công việc sẽ gặp khó khăn hơn. Khi đặt vấn đề này ra, họ rất vô tư: “*Nếu không có việc, Chính quyền cũng đâu để người dân tộc đói*” (Nguyễn Quốc Dũng và Võ Thị Kim Thu, 2016). Chính thái độ thụ động, an phận, trông chờ ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước và xã hội đã ảnh hưởng rất lớn đến động lực phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đây là vấn đề thuộc về ý thức, muốn thay đổi cần phải có thời gian và cần có những tác động từ những nhân tố bên ngoài như tuyên truyền, vận động nhất là từ những người có uy tín cao.

Hai là, đời sống tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer rất phong phú đa dạng gắn với sinh hoạt cộng đồng và rất nhiều lễ hội trong năm.

Đồng bào dân tộc Khmer vốn có cuộc sống lạc quan, đời sống tinh thần phong phú với rất nhiều lễ hội hàng năm, thích sinh hoạt cộng đồng, vui chơi giải trí và đối với đồng bào thì đây là linh thiêng và cần thiết nên không hề tính toán. Theo quan niệm của người Khmer, hạnh phúc được khẳng định ở cõi Phật, mà trong kiếp sống hiện tại tự mỗi người phải tu luyện, giải thoát mình để vươn tới hạnh phúc dưới sự hướng dẫn của nhà chùa, cụ thể nhất là tham gia góp công, góp của thực hiện các đám phước do nhà chùa tổ chức, ngoài các đám lễ dân gian đã có từ lâu đời. Căn cứ vào nguồn gốc, tính chất lễ, lễ hội của đồng bào dân tộc Khmer bao gồm: các lễ truyền thống của dân tộc, các lễ bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian, các lễ bắt nguồn từ Phật giáo. Các lễ truyền thống dân tộc như: Lễ hội năm mới (Chol Chnam Thmey), đây là Tết của người Khmer (tháng 4 dương lịch), được cử hành 3, 4 ngày. Có nhiều nơi đồng bào Khmer ăn Tết đến 5,7 ngày rất tốn kém; Lễ cúng ông bà (Pithi sên Đôn-ta), lễ Đôn-ta cũng là một lễ lớn của đồng bào Khmer, được tổ chức vào 3 ngày mỗi năm (29 tháng 8 đến 1 tháng 9 âm lịch); Lễ cúng trăng hoặc “đút cốm dẹp” (Ron sâm peah preah khe hoặc Óoc om bok), tổ chức vào rằm tháng 10 âm lịch hàng năm; Các lễ bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian (17 lễ); Các lễ bắt nguồn từ Phật giáo (13 lễ). Trong đó có các lễ chính như: lễ Chol Chnam Thmey vào đầu tháng tư dương lịch hàng năm. Đây là lễ mừng năm mới hay còn gọi là lễ chịu tuổi. Ở lễ hội này, người ta còn tổ chức cầu mưa cho mùa màng tươi tốt; lễ Đôn-ta cúng ông bà vào cuối tháng 8 đầu tháng 9 âm lịch, thể hiện lòng hiếu thảo, nhớ ơn tổ tiên; lễ Ok Om Bok vào rằm tháng mười, mừng mùa cấy trồng kết thúc. Lễ này còn gọi là lễ cúng trăng. Với đạo Phật ánh trăng còn là ánh sáng của Đức Phật Thích Ca. Cúng trăng để mơ ước cho tương lai mùa tới. Rồi còn lễ Dâng bông, nấu cơm vào chùa dâng cho các vị sư sãi, lễ mừng chùa mới, lễ cho thanh niên lớn lên vào chùa tu hành để học đạo làm người... Điều này ảnh hưởng tốt đến đời sống tinh thần của đồng

bào dân tộc Khmer, làm cho đời sống tinh thần phong phú, đặc sắc.

Tuy nhiên, lễ nghi của đồng bào dân tộc Khmer Đồng bằng sông Cửu Long khá nhiều và nghi thức cũng khá cầu kỳ, kéo dài nhiều ngày; mặc dù hiện nay một số phong tục, lễ hội đã được cải tiến theo hướng đơn giản hóa, tiết kiệm nhưng đồng bào dân tộc Khmer vẫn còn tiêu tốn rất nhiều thời gian và công của cho các lễ hội này. Việc có nhiều lễ hội trong năm ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế của đồng bào dân tộc Khmer. Việc nhiều lễ hội dẫn đến phải chi tiêu nhiều ảnh hưởng đến tích lũy tái sản xuất mở rộng, mất nhiều thời gian ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập... Chẳng hạn, Chol Chnam Thmey kéo dài 3 ngày, còn Ok Om Bok theo truyền thống phải chuẩn bị trước đó cả tháng. Người ta ra ruộng lựa từng bông nếp vừa chín để già cốm đẹp cho thơm, cho dẻo. Đua ghe ngo phải là những chiếc ghe được chế tạo và bảo quản ở trong Phum, Sóc. Mỗi chiếc ghe đều được sơn phết, trang trí rực rỡ, đầu đuôi cong vút, oai nghiêm. Đầu ghe là những con vật mang biểu tượng của chùa như: Rồng vàng, Bạch tượng, Bạch mã, Ó biển, Sư tử... Ngoài đua ghe ngo là lễ hội được tổ chức rất quy mô, còn có nhiều lễ hội vui chơi giải trí khác như dân khấn võ, hát dù kê, kịch rô băm, thả đèn gió, đèn nước... Tóm lại, bao nhiêu lễ hội là bấy nhiêu sự tốn kém đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tích lũy để tái sản xuất mở rộng của đồng bào dân tộc Khmer. Chính vì vậy, việc tuyên truyền, vận động hướng dẫn bà con chi tiêu tiết kiệm là hết sức cần thiết để *một mặt* vẫn đảm bảo duy trì, giữ gìn những lễ hội truyền thống đặc sắc của dân tộc Khmer nhưng *mặt khác*, không làm ảnh hưởng tới đời sống của bà con là vấn đề rất khó khăn đặt ra cần giải quyết hiện nay. Có thể nói tín ngưỡng và niềm tin của đồng bào Khmer là rất lớn, và quan trọng là điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức của đồng bào với tư tưởng tự bằng lòng không muốn thay đổi cuộc sống. Chính vì vậy, tuyên truyền, vận động để thay đổi nhận thức cho đồng bào, giúp đồng bào tính toán chi tiêu tiết kiệm, hợp lý để vừa đảm bảo *"tốt đạo đẹp đời"* sẽ là giải pháp khó khăn, tế nhị và mang

ý nghĩa hàng đầu đối với công tác giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Ba là, đời sống kinh tế của đồng bào dân tộc Khmer phần lớn gắn với tập quán sản xuất nhỏ, gắn với nông nghiệp truyền thống và địa bàn nông thôn nên tình trạng thiếu đất, vốn sản xuất còn phổ biến.

Cư trú lâu đời ở ĐBSCL, hoạt động kinh tế truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Hơn 95% đồng bào sinh sống bằng nghề nông và chủ yếu tập trung ở nông thôn. Nhưng nền kinh tế cộng đồng người Khmer cũng phát triển thiếu cân đối, chủ yếu độc canh cây lúa; chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh cá và nghề thủ công kém phát triển (Trần Thanh Bé, 2013). Cộng đồng người Khmer định cư tập trung theo các giồng cát nên đất sản xuất ít, khi con cái trưởng thành, lập gia đình phải chia bớt, hoặc khi cuộc sống gặp khó khăn, làm ăn thất bại, gặp thiên tai, ốm đau bệnh tật, con cái học hành... trong khi thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thấp không đủ chi tiêu dẫn đến nhiều hộ phải cầm cố, bán đất sản xuất. Đây là vấn đề phức tạp và có xu hướng ngày càng có nhiều gia đình rơi vào tình trạng không đất. Theo báo cáo của bốn tỉnh có đông đồng bào dân tộc Khmer, hiện vẫn còn hàng ngàn hộ Khmer nghèo không có đất sản xuất: tỉnh Kiên Giang có 610 hộ thiếu đất sản xuất và 2.232 hộ không có đất sản xuất. Tỉnh Trà Vinh có 11.224 hộ thiếu đất và 12.378 hộ không có đất. Tỉnh Sóc Trăng có 18.284 hộ không có đất và hàng ngàn hộ khác thiếu đất. Tỉnh An Giang có 2.611 hộ thiếu và không có đất sản xuất². Nguyên nhân chủ yếu là do cuộc sống thiếu thốn khó khăn phải đem ruộng đất đi cầm cố, sau đó không trả nợ được và trở thành hộ không có đất. Tuyệt đại đa số đồng bào dân tộc Khmer thuộc thành phần lao động sản xuất nông nghiệp mang tính chất sản xuất

2. Đề án tổng thể về chính sách đối với Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (2014), *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề án nhánh số 5- Khuyến khích đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

nhỏ “tiểu nông”, trình độ mặt bằng dân trí thấp, lại sản xuất trong những điều kiện tự nhiên hết sức khó khăn: đất giồng cát, nhiễm mặn, nhiễm phèn, hệ thống thủy lợi chưa hoàn chỉnh, giao thông không thuận tiện... Một năm chỉ sản xuất từ 1 đến 2 vụ lúa, sản xuất chủ yếu mang tính chất tự cấp, tự túc. Nông sản và các sản phẩm thủ công, chăn nuôi... hầu như chỉ đủ cung cấp cho sinh hoạt của phum, sóc, của gia đình nông dân. Việc trao đổi hàng hóa và tham gia vào các hoạt động thị trường còn rất hạn chế. Kinh tế hàng hóa chưa phổ biến và chưa chiếm vị trí thỏa đáng ở vùng nông thôn, nơi có đông người Khmer sinh sống. Cho nên đa số đồng bào dân tộc Khmer có cuộc sống khó khăn.

Quan niệm của đồng bào Khmer về cuộc sống, niềm vui và hạnh phúc. Đối với đồng bào dân tộc Khmer, quan niệm về hạnh phúc rất đơn giản: có cơm ăn, áo mặc, cũng được đi học biết chữ, ai thuê gì làm nấy, được đến chùa với những sinh hoạt cộng đồng vui vẻ, thoải mái, được phước để yên tâm cho “phần hồn” sau này. Rất nhiều lao động Khmer tâm sự: *“có việc làm, có thu nhập, có cơm ăn và dâng Lục là thấy vui rồi”*. Chính vì vậy, rất nhiều hộ dân tộc Khmer được hỗ trợ đất rồi lại bán đất và làm thuê ngay chính trên mảnh đất của họ; hỗ trợ bò rồi lại bán rẻ ngay chính con bò của mình. Họ giải thích: *“Mình làm không chắc ăn, lúc được, lúc thất, rồi bán người ta không mua, thiếu tiền phải vay không có trả. Đi làm vậy (làm thuê) có tiền mỗi ngày”*. Động lực để làm giàu của đồng bào dân tộc Khmer rất hạn chế. Như vậy, vấn đề đặt ra về tư duy nên chăng cần thay đổi cách thức thực hiện các chính sách hỗ trợ của nhà nước, không phải cứ hướng vào việc tạo cho người nghèo điều kiện để làm chủ như đất đai, tư liệu sản xuất...

Bốn là, ảnh hưởng của phong tục tập quán đến việc tiếp cận giáo dục, đào tạo nâng chất lượng nguồn lực lao động của cộng đồng người Khmer.

Cộng đồng người Khmer có trình độ dân trí còn hạn chế, tiếp cận giáo dục và đào tạo còn nhiều bất cập. Đồng bào Khmer vốn tính cộng đồng rất cao, sống quây quần trong phum, sóc. Ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu là

tiếng Khmer. Thanh niên lớn lên vào chùa học kinh Phật theo phong tục và học chữ Khmer. Tiếng Việt chỉ sử dụng khi giao tiếp ở ngoài phum, sóc và ở trường học. Chùa cũng là nơi dạy chữ Khmer chủ yếu. So với các dân tộc cùng sống bên nhau thì người Khmer chịu ảnh hưởng rất nặng bởi tín ngưỡng, tôn giáo. Họ tin tưởng tuyệt đối vào nhà chùa và các vị sư sãi. Nhà chùa, Phật pháp và các vị sư sãi không chỉ là chỗ dựa tinh thần mà còn tác động mạnh mẽ đến đời sống vật chất của họ. Chùa là nơi gắn bó cả phần xác lẫn phần hồn của mọi người; là nơi thờ cúng, học hành, sinh hoạt văn hóa, rèn luyện... Có thể nói, chùa là nơi giáo dục toàn diện đối với đồng bào dân tộc Khmer. Bên cạnh đó, người nghèo Khmer, do điều kiện sinh sống, làm ăn còn nhiều khó khăn, kiến thức và tầm hiểu biết có hạn, đã tiếp cận rất ít với hệ thống giáo dục. Con em của họ có trình độ học vấn rất thấp (Nguyễn Ngọc Đệ và Trần Thanh Bé, 2005).

Trình độ học vấn thấp nên việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào đồng ruộng, yêu cầu chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đa dạng hóa ngành nghề, các yêu cầu thủ tục hành chính về đất đai, tín dụng... rất hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng suy nghĩ, tính toán tìm ra phương thức làm ăn, cơ hội làm giàu. Trước những thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì những hạn chế trên càng trở nên khó khăn hơn.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Qua phân tích trên, có thể khẳng định phong tục, tập quán của cộng đồng người Khmer có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của họ. Do đó, trong ban hành và thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta cần thiết phải quan tâm đến những yếu tố ảnh hưởng này, nhất là những ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của cộng đồng người Khmer.

4.2. Kiến nghị

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức cho đồng bào dân tộc Khmer trong phát triển kinh tế. Công tác tuyên truyền, vận động phải làm cho đồng

bào nhận thức hướng về cuộc sống hiện thực, nhận thức được rằng cuộc sống của mình phải do chính mình quyết định, sự hỗ trợ, giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng chỉ có thể giải quyết những khó khăn trước mắt và tạo điều kiện để làm ăn, vươn lên trong cuộc sống. Để thực hiện giải pháp này có hiệu quả, việc tuyên truyền, vận động phải được tiến hành với nhiều hình thức cụ thể như: thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, phát thanh, truyền hình, sách, báo bằng tiếng Khmer, thông qua việc phát huy vai trò của những người có uy tín trong thực hiện các hoạt động tuyên truyền.

- Phát huy vai trò các đoàn thể, các sư sãi trong nâng cao nhận thức từng bước thay đổi những phong tục, tập quán ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của đồng bào dân tộc Khmer. Thông qua các hội như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên để vận động bà con thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình, đầu tư cho con em học tập nâng cao trình độ dân trí. Vận động và hướng dẫn bà con chi tiêu tiết kiệm, hợp lý, đặc biệt là trong những dịp lễ hội để vừa đảm bảo nhu cầu tinh thần vui chơi giải trí, vừa không ảnh hưởng đến đời sống và công việc làm ăn của bà con. Đổi mới cách thức tổ chức các lễ hội trong năm theo hướng tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc Khmer.

- Thực hiện tốt các biện pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, thay đổi sinh kế đối với cộng đồng người Khmer. Trước mắt, cần tiếp tục chủ trương cấp đất, hỗ trợ chuộc lại đất cho bà con Khmer nghèo, tạo điều kiện cho họ có tư liệu sản xuất tạo việc làm và có thu nhập ổn định cuộc sống. Về lâu dài, để giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất cần thiết phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phá vỡ thế độc canh cây lúa trong vùng đồng bào dân tộc Khmer bằng cách chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Từng bước phát triển các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... để thu hút lao động nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng và củng cố các loại hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp nông thôn vùng đồng bào Khmer nghèo.

- Nâng cao dân trí, tăng cường và đổi mới các hình thức giáo dục, đào tạo đối với cộng đồng người Khmer. Tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở cho đồng bào dân tộc Khmer trong vùng nhằm từng bước nâng cao dân trí bằng những hình thức cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của từng phum, sóc. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động có hiệu quả các trung tâm giáo dục cộng đồng ở xã, nhất là các xã có đông đồng bào dân tộc Khmer, đặc biệt gắn với chùa Khmer và các vị sư sãi. Tiếp tục và tăng cường tổ chức các lớp đào tạo nghề từ các nguồn quỹ Khuyến học, Khuyến công, Khuyến ngư... để giúp thanh niên nghèo dân tộc Khmer có việc làm, tăng thu nhập. Đẩy mạnh việc đào tạo nghề gắn với tạo cơ chế cho người lao động nghèo có việc làm và xuất khẩu lao động.

- Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc hạn chế những tác động tiêu cực từ phong tục tập quán đến phát triển kinh tế của đồng bào dân tộc Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Để thay đổi được nhận thức của đồng bào dân tộc Khmer không thể dựa vào quá trình tự nhận thức, bởi lẽ đa số đồng bào dân tộc Khmer có trình độ dân trí thấp, tín ngưỡng rất cao, thiếu tư liệu sản xuất,... do đó, vai trò của nhà nước là hết sức quan trọng. Nếu như có chính sách phù hợp, với cơ chế tổ chức quản lý chặt chẽ, giúp bà con Khmer nghèo vay vốn, tập huấn, hướng dẫn để bà con sử dụng vốn có hiệu quả thì không những giúp bà con thoát khỏi đói nghèo mà còn là biện pháp tác động mạnh nhất đến nhận thức của bà con./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thanh Bé. (2013). *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài: Tác động của Phong tục tập quán đến phát triển kinh tế - xã hội cộng đồng người Khmer tỉnh Sóc Trăng*.
2. Nguyễn Quốc Dũng, Võ Thị Kim Thu (2016). *Giảm nghèo đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong quá trình phát triển bền vững*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc Đệ và Trần Thanh Bé. (2005). Người Khmer đồng bằng sông Cửu Long: Những điều kiện để thoát nghèo, *Tạp chí Nghiên cứu khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Số 4-2005.
4. Lê Thị Hằng. (2017). Văn hóa truyền thống của đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 14/4/2017.